

Bản án số: 41/2024/DS- ST

Ngày: 31/12/2024

*“ V/v: Tranh chấp hợp đồng
dân sự mượn tài sản ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY-TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Việt và ông Trương Quang Huy

-Thư ký phiên Tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2024/TLST-DS ngày 07/10/2024 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự mượn tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-DS ngày 13/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 và chị Nguyễn Thị Mạnh H, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng anh Nguyễn Hữu B sinh năm 1981 và chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1980, địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn N, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2024, bản tự khai ngày 14/11/2024 và các biên bản hòa giải, cũng như tại phiên tòa, vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Mạnh H đều trình bày: Do có quan hệ bạn bè nên ngày 22/7/2023, vợ chồng anh Nguyễn Hữu B và chị Nguyễn Thị Thanh N có đến nhà anh chị ngỏ ý mượn tiền để làm ăn. Do tin tưởng bạn bè nên anh chị đã cho anh B chị N mượn số tiền tích cóp được của vợ chồng là 100.000.000 đồng, anh B, chị N hẹn 3 tháng sau sẽ trả, theo Giấy mượn tiền ngày 22/7/2023. Tuy nhiên sau 3 tháng anh B, chị N không thực hiện trả tiền như đã hứa, nhiều lần anh chị đã gọi điện và trực tiếp đến nhà thúc giục trả nợ nhưng anh B, chị N mới chỉ trả được hai lần 15.000.000 đồng, còn 85.000.000 đồng anh B, chị N hứa hết lần này đến lần khác không trả nên anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh B, chị N trả nợ cho anh chị số tiền mượn còn lại 85.000.000 đồng.

Bị đơn Anh Nguyễn Hữu B và chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày qua bản tự khai ngày 15/11/2024, biên bản hòa giải ngày 05/12/2024 cũng như tại phiên tòa: Anh chị thừa nhận như nội dung bên nguyên đơn trình bày: Theo Giấy mượn tiền ngày

22/7/2023, do việc làm ăn, anh chị có mượn tiền của anh T, chị H 100.000.000 đồng và hẹn 3 tháng sau trả lại cho anh T, chị . Tuy nhiên do vợ chồng làm ăn gặp nhiều khó khăn, không thuận lợi nên mới chỉ trả cho anh T, chị H 15.000.000 đồng, còn lại 85.000.000 đồng chưa xoay xở trả được. Nay anh chị xin anh T, chị H và Tòa án cho vợ chồng anh chị thêm một thời gian khoảng hơn 01 năm nữa, trả dần cứ mỗi quý trả 15.000.000 đồng, vì hiện tại gia đình quá khó khăn.

Ý kiến nguyên đơn anh T, chị H, không nhất trí ý kiến bị đơn xin thêm thời gian và trả nợ dần, vì số tiền này vợ chồng dành dụm để lo công việc gia đình, anh chị cho anh B, chị N mượn tạm 3 tháng nhưng đến nay đã hơn 01 năm, anh chị đã nhiều lần đòi nợ mà anh B, chị N có khả năng nhưng cứ chây ỳ hẹn rày, hẹn mai chưa trả. Gia đình anh chị đang rất cần để trả nợ gốc, nợ lãi ngân hàng và trang trải cuộc sống. Do đó, yêu cầu anh B, chị N trả 85.000.000 đồng một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền mượn còn lại theo giấy mượn tiền, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự mượn tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Hữu B và chị Nguyễn Thị Thanh N có địa chỉ tại: Tổ dân phố 2, thị trấn N, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Theo lời trình bày của hai bên trong quá trình giải quyết vụ án; các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy, theo lời khai của hai bên cũng như Giấy mượn tiền ngày 22/7/2023, thể hiện Vợ chồng anh Nguyễn Hữu B và chị Nguyễn Thị Thanh N có mượn của vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Mạnh H số tiền 100.000.000 đồng để phục vụ cho công việc làm ăn của gia đình, hẹn sau 3 tháng sẽ trả lại nhưng hết thời hạn 3 tháng vợ chồng anh B, chị N không trả, vợ chồng anh T, chị H nhiều lần đòi nợ nhưng mới chỉ trả được 15.000.000 đồng, số còn lại 85.000.000 đồng anh B, chị N chưa trả được và xin anh T, chị H cho thêm thời gian để trả dần. Do đó, có căn cứ xác định anh Nguyễn Hữu B và chị Nguyễn Thị Thanh N đã vi phạm nghĩa vụ của người mượn tiền theo Giấy mượn tiền ngày 22/7/2023 nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Mạnh H, để buộc vợ chồng anh Nguyễn Hữu B và chị Nguyễn Thị Thanh N phải có nghĩa vụ trả số tiền còn lại cho anh T, chị H là có căn cứ.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 494, Điều 495, Điều 496 và Điều 499 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Mạnh H.

Buộc anh Nguyễn Hữu B và chị Nguyễn Thị Thanh N phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Mạnh H số tiền: 85.000.000 (tám mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí: Anh Nguyễn Hữu B và chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.250.000 đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước. Trả lại cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Mạnh H số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy theo Biên lai thu tạm ứng số 0004453 ngày 01/10/2024.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Mạnh H và bị đơn anh Nguyễn Hữu B, chị Nguyễn Thị Thanh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/12/2024, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Lưu HSVA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Nhàn